

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Hà Nội - Tháng 3 năm 2015

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	8 - 17

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 12 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần LICOGI 12 (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Xí nghiệp Cơ giới và Xây lắp số 12, trực thuộc Liên hiệp các Xí nghiệp Thi công cơ giới - Bộ Xây dựng được thành lập theo Quyết định số 053A/BXD-TCLĐ ngày 20/03/1993 và được đổi tên thành Công ty Cơ giới và Xây lắp số 12 trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng. Theo Quyết định số 1523/QĐ-BXD ngày 29/09/2004 của Bộ Xây dựng, Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 12 - LICOGI 12. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 668NQ/ĐHĐCĐ-LICOGI 12 ngày 22/06/2006, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần LICOGI 12.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106433 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 25/12/2013.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: LICOGI 12 Joint Stock Company.

Tên viết tắt: LICOGI 12., JSC.

Trụ sở chính: Số 21 Đại Từ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Dương Xuân Quang	Chủ tịch
	Ông Hoàng Minh Tuấn	Ủy viên
	Ông Bùi Đại Minh	Ủy viên
	Ông Hoàng Mạnh Quân	Ủy viên
	Ông Phùng Văn Thanh	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Dương Xuân Quang	Tổng Giám đốc
	Ông Đỗ Mạnh Trí	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Bùi Đại Minh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phùng Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Dương Xuân Tứ	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Dương Xuân Quang

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2015

Số. /2014/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
của Công ty Cổ phần Licogi 12

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Licogi 12

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Licogi 12, được lập ngày 18/03/2014, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty chưa bao gồm số liệu của công ty liên kết Công ty Cổ phần Licogi 12.9 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Trương Văn Nghĩa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1140-
2013-075-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2015

Trần Thị Hương Quỳnh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1618-
2013-075-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		322.511.495.727	312.869.368.869
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	32.824.580.588	29.033.914.105
1. Tiền	111		32.624.580.588	29.033.914.105
2. Các khoản tương đương tiền	112		200.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		180.014.000	180.014.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	180.014.000	180.014.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		213.972.728.240	157.185.397.176
1. Phải thu khách hàng	131		212.700.635.270	149.548.102.856
2. Trả trước cho người bán	132		4.207.772.889	7.086.754.635
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	1.940.105.348	1.309.012.840
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.875.785.267)	(758.473.155)
IV. Hàng tồn kho	140		62.209.783.714	115.847.603.647
1. Hàng tồn kho	141	5.4	62.209.783.714	115.847.603.647
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.324.389.185	10.622.439.941
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	5.267.777.999	1.092.672.517
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	13.064.135
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	8.056.611.186	9.516.703.289
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		62.285.568.399	76.273.530.567
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		62.172.634.518	73.656.376.709
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	35.449.652.715	45.508.441.563
<i>Nguyên giá</i>	222		209.116.730.919	218.409.884.998
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(173.667.078.204)	(172.901.443.435)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		138.685.576	138.685.576
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(138.685.576)	(138.685.576)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	26.722.981.803	28.147.935.146
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		100.000.000	100.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.9	5.880.000.000	5.880.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.10	100.000.000	100.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(5.880.000.000)	(5.880.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		12.933.881	2.517.153.858
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	12.933.881	2.417.153.858
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	100.000.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		384.797.064.126	389.142.899.436

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu B 01-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		318.472.381.204	325.791.980.312
I. Nợ ngắn hạn	310		313.630.300.724	316.553.662.822
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.12	44.030.799.427	96.474.027.260
2. Phải trả người bán	312		75.734.560.860	105.053.288.388
3. Người mua trả tiền trước	313		39.960.830.372	38.344.038.972
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	5.250.669.572	6.755.769.215
5. Phải trả người lao động	315		17.273.354.980	22.681.050.711
6. Chi phí phải trả	316	5.14	114.481.103.956	27.916.024.634
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	15.718.542.130	18.614.480.948
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.180.439.427	714.982.694
II. Nợ dài hạn	330		4.842.080.480	9.238.317.490
3. Phải trả dài hạn khác	333		303.502.642	224.182.191
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.16	4.538.577.838	8.986.668.118
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	27.467.181
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		65.205.217.552	62.179.863.785
I. Vốn chủ sở hữu	410		65.205.217.552	62.179.863.785
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.17	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.17	4.380.364.000	4.380.364.000
4. Cổ phiếu quỹ	414	5.17	(2.611.290.000)	(2.611.290.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.17	4.749.253.663	3.382.613.827
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.17	2.795.738.784	951.384.081
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.17	5.891.151.105	6.076.791.877
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
B. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		1.119.465.370	1.171.055.339
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		384.797.064.126	389.142.899.436

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Hoài Hiệp

Nguyễn Thị Chung

Dương Xuân Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu B 02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		373.526.276.512	326.538.242.143
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.18	373.526.276.512	326.538.242.143
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	347.283.388.104	296.144.940.826
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		26.242.888.408	30.393.301.317
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	542.476.583	5.052.166.056
7. Chi phí tài chính	22	5.20	8.099.629.355	20.629.607.780
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.454.198.812	9.051.329.188
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		4.231.536.824	5.764.530.405
11. Thu nhập khác	31	5.21	6.647.623.994	638.178.862
12. Chi phí khác	32	5.21	2.989.532.722	198.199.280
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		3.658.091.272	439.979.582
14. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết	45		-	-
15. Lãi/lỗ thanh lý công ty con	45.1		-	-
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45+45.1)	50		7.889.628.096	6.204.509.987
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.22	1.393.079.682	1.592.146.291
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		6.496.548.414	4.612.363.696
20. Lợi ích cổ đông thiểu số	61		51.655.037	60.901.183
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ (62 = 60-61)	62		6.444.893.377	4.551.462.513
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	1.360	960

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Hoài Hiệp

Nguyễn Thị Chung

Dương Xuân Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2014	Năm 2013
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.889.628.096	6.204.509.987
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	12.403.835.626	14.891.408.274
- Các khoản dự phòng	03	4.117.312.112	4.703.443.031
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.094.938.400)	(3.187.287.270)
- Chi phí lãi vay	06	8.099.629.355	12.372.607.780
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi VLD	08	28.415.466.789	34.984.681.802
- Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	(59.309.985.054)	19.080.902.688
- Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	53.637.819.933	14.983.090.258
- Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	50.997.694.668	(26.579.688.298)
- Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	(1.770.885.505)	(189.596.423)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(7.776.967.015)	(12.241.098.092)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.511.657.290)	(980.842.159)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(354.818.000)	(352.170.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	60.326.668.526	28.705.279.776
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.745.528.476)	(26.109.308.185)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các TSDH khác	22	6.325.189.090	518.181.819
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(15.660.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	542.476.583	96.166.056
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.122.137.197	(25.510.620.310)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	131.949.867.116	205.953.231.405
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(188.887.620.806)	(206.118.148.672)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.720.385.550)	(2.843.472.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(59.658.139.240)	(3.008.389.867)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	3.790.666.483	186.269.599
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	29.033.914.105	28.847.644.506
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	32.824.580.588	29.033.914.105

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Hoài Hiệp

Nguyễn Thị Chung

Dương Xuân Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần LICOGI 12 (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Xí nghiệp Cơ giới và Xây lắp số 12, trực thuộc Liên hiệp các Xí nghiệp Thi công cơ giới - Bộ Xây dựng được thành lập theo Quyết định số 053A/BXD-TCLĐ ngày 20/03/1993 và được đổi tên thành Công ty Cơ giới và Xây lắp số 12 trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng. Theo Quyết định số 1523/QĐ-BXD ngày 29/09/2004 của Bộ Xây dựng, Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 12 - LICOGI 12. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 668NQ/ĐHĐCĐ-LICOGI 12 ngày 22/06/2006, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần LICOGI 12.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106433 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 25/12/2013.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: LICOGI 12 Joint Stock Company.

Tên viết tắt: LICOGI 12., JSC.

Trụ sở chính: Số 21 Đại Từ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Các đơn vị phụ thuộc của Công ty:

STT	Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1	Xí nghiệp Xây dựng 12.1	C1 Giải Phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội
2	Xí nghiệp Xây dựng 12.2	C1 Giải Phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội
3	Xí nghiệp Xử lý nền móng	C1 Giải Phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội
4	Xí nghiệp Sản xuất VLXD Hà Nam	Tiểu khu La Mát, thị trấn Kiện Khê, Thanh Liêm, Hà Nam

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Khai thác và thu gom than non;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, hạ tầng khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét: Khai thác vật liệu xây dựng;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Khai thác quặng sắt: Kinh doanh, khai thác chế biến khoáng sản: kim loại màu, kim loại đen và phi kim loại (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng hệ thống thiết bị công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, mỡ; Xây dựng các công trình thủy điện, nhiệt điện, xây lắp đường dây và trạm biến thế điện, hệ thống điện, điện lạnh, hệ thống thông tin liên lạc; Xây dựng các công trình thủy lợi (đê, đập, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (cầu, đường bộ, sân bay, bến cảng, đường hầm); Đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện, nhiệt điện và kinh doanh điện thương phẩm;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Đầu tư kinh doanh dịch vụ khách sạn, khu du lịch, vui chơi giải trí;

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (tiếp theo)

- Chuẩn bị mặt bằng: Xử lý nền móng bằng phương tiện cơ giới (khoan nhồi, đóng cọc bê tông cốt thép, ván thép, ống thép các loại, cọc Beretter); Vận chuyển, san lấp nền móng các loại công trình xây dựng bằng phương tiện cơ giới xây dựng;
- Sản xuất các kết cấu kim loại: Sản xuất sản phẩm cơ khí, kết cấu thép, vật tư và thiết bị xây dựng, sản xuất cầu trục và thiết bị nâng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Kinh doanh sản phẩm cơ khí, kết cấu thép, vật tư và thiết bị xây dựng, sản xuất cầu trục và thiết bị nâng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao: Sản xuất, chế biến vật liệu xây dựng (đá xây dựng, bê tông thương phẩm, cầu kiện bê tông đúc sẵn);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật liệu xây dựng (đá xây dựng, bê tông thương phẩm, cầu kiện bê tông đúc sẵn);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thí nghiệm vật liệu xây dựng, khảo sát địa chất công trình; Tư vấn thiết kế (Thiết kế kiến trúc công trình với chức danh kiến trúc sư chủ nhiệm đồ án; Thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế quy hoạch khu đô thị và nông thôn; Thiết kế nội, ngoại thất công trình; Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp), giám sát các công trình xây dựng;

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất là hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty mẹ được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ đăng ký	Vốn điều lệ (nghìn đồng)	Tỷ lệ kiểm soát	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Licogi 12.6	KCN vừa và nhỏ Phú Thị, Gia Lâm, HN	2.200.000	56%	Xây dựng, sản xuất các sản phẩm cơ khí

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chínhGhi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản**Thời gian khấu hao (Năm)**

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc, thiết bị	02 - 07
Phương tiện vận tải	05 - 07
Dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí chờ phân bổ cho các Dự án đang thực hiện chưa phát sinh doanh thu và một số các chi phí khác.

Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị Quyết của Đại hội Cổ đông và thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN/HN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	1.691.493.444	4.302.492.146
Tiền gửi Ngân hàng	30.933.087.144	24.731.421.959
Các khoản tương đương tiền	200.000.000	-
Tổng	32.824.580.588	29.033.914.105

5.2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Là khoản đầu tư chứng khoán mua 10.450 Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) với giá gốc là 180.014.000 đồng.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	-	2.593.812
Phải thu khác		
<i>Công ty CP Licogi 12.9</i>	<i>1.004.632.582</i>	<i>400.000.000</i>
<i>Các khoản khác</i>	<i>935.472.766</i>	<i>906.419.028</i>
Tổng	1.940.105.348	1.309.012.840

5.4. Hàng tồn kho

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.342.869.745	6.716.007.463
Công cụ, dụng cụ	50.234.009	74.202.962
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	53.350.722.065	104.594.463.582
Thành phẩm	4.465.957.895	4.462.929.640
Tổng	62.209.783.714	115.847.603.647

5.5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	909.770.727
Chi phí khác	5.267.777.999	182.901.790
Tổng	5.267.777.999	1.092.672.517

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN/HN****5.6. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	7.727.611.186	9.277.703.289
Cầm cố, kỹ quỹ, ký cược ngắn hạn	329.000.000	239.000.000
Tổng	8.056.611.186	9.516.703.289

5.7. Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

Năm 2014	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng
<i>Nguyên giá</i>					
Tại ngày 01/01	16.314.671.538	138.070.739.650	62.829.090.533	1.195.383.277	218.409.884.998
Tăng trong năm	-	160.000.000	1.988.254.546	249.500.000	2.397.754.546
Mua trong năm	-	160.000.000	1.988.254.546	249.500.000	2.397.754.546
Giảm trong năm	-	1.711.225.284	9.979.683.341	-	11.690.908.625
Thanh lý	-	1.604.625.284	9.979.683.341	-	11.584.308.625
Thanh lý công ty con	-	106.600.000	-	-	106.600.000
Tại ngày 31/12	16.314.671.538	136.519.514.366	54.837.661.738	1.444.883.277	209.116.730.919
<i>Hao mòn lũy kế</i>					
Tại ngày 01/01	8.477.469.373	107.729.327.834	55.622.845.464	1.071.800.764	172.901.443.435
Tăng trong năm	2.776.982.494	7.441.072.413	1.921.408.731	264.371.988	12.403.835.626
Trích khấu hao	2.776.982.494	7.441.072.413	1.921.408.731	264.371.988	12.403.835.626
Giảm trong năm	-	1.658.517.516	9.979.683.341	-	11.638.200.857
Thanh lý	-	1.604.625.284	9.979.683.341	-	11.584.308.625
Thanh lý công ty con	-	53.892.232	-	-	53.892.232
Tại ngày 31/12	11.254.451.867	113.511.882.731	47.564.570.854	1.336.172.752	173.667.078.204
<i>Giá trị còn lại</i>					
Tại ngày 01/01	7.837.202.165	30.341.411.816	7.206.245.069	123.582.513	45.508.441.563
Tại ngày 31/12	5.060.219.671	23.007.631.635	7.273.090.884	108.710.525	35.449.652.715

5.8. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đền bù khu đất Cầu Bươu	445.128.022	445.128.022
Trạm bê tông 2	2.309.829.147	1.803.680.147
Trạm chế biến đá Kiện Khê	-	1.931.102.343
Tòa nhà văn phòng Licogi 12	23.968.024.634	23.968.024.634
Tổng	26.722.981.803	28.147.935.146

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN/HN****5.9. Đầu tư vào công ty liên kết**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty CP Licogi 12.9 (*)	5.880.000.000	5.880.000.000
Tổng	5.880.000.000	5.880.000.000

Chi tiết thông tin về công ty liên kết:

ST	Tên công ty	Địa chỉ đăng ký	Vốn điều lệ (tr đồng)	Tỷ lệ kiểm soát	Hoạt động chính
1	Công ty CP Licogi 12.9	Số 127 Nguyễn Ngọc Nại, Thanh Xuân, HN	12.000	49%	San lấp, xử lý nền móng

5.10. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác (*)		
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Ia HIAO</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
Tổng	100.000.000	100.000.000

(*) Vốn góp thực hiện dự án thủy điện Ia Hiao 3 (công suất 4MW) thuộc địa bàn huyện Ea H'Leo do Công ty CP Thủy điện Ia Hiao làm chủ đầu tư.

5.11. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	12.933.881	2.383.319.687
Khác	-	33.834.171
Tổng	12.933.881	2.417.153.858

5.12. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội	40.112.635.076	47.924.143.240
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	-	46.243.669.135
Quỹ tương trợ Công ty	190.639.351	206.214.885
Vay cá nhân	3.727.525.000	2.100.000.000
Tổng	44.030.799.427	96.474.027.260

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN/HN****5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.847.769.281	3.211.649.164
Thuế thu nhập doanh nghiệp	176.711.533	2.301.004.336
Thuế thu nhập cá nhân	30.884.031	53.311.269
Các loại thuế, phí, lệ phí khác	1.195.304.727	1.189.804.446
Tổng	5.250.669.572	6.755.769.215

5.14. Chi phí phải trả

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Dự án 21 Đại Từ	15.100.028.203	23.968.024.634
Dự án Đồng Nai	94.545.244.525	-
Gói thầu 7 Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	1.302.190.231	3.948.000.000
CT Thủy điện Dakmi	1.658.246.307	-
CT Thủy điện Bản Chát	1.875.394.690	-
Tổng	114.481.103.956	27.916.024.634

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.413.955.635	1.488.452.867
Bảo hiểm xã hội	-	707.006.687
Bảo hiểm y tế	1.820.565	70.101.409
Các khoản phải trả ngắn hạn khác		
<i>Phải trả khác (dư có 141)</i>	7.092.212.020	8.985.563.522
<i>Các khoản khác</i>	7.210.553.910	7.363.356.463
Tổng	15.718.542.130	18.614.480.948

5.16. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội (1)	357.000.000	1.895.500.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (2)	4.181.577.838	7.091.168.118
Tổng vay dài hạn	4.538.577.838	8.986.668.118

(1): Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2012/HĐTĐTH ký ngày 08/02/2012

Mục đích vay: Mua 3 xe Hyundai vận chuyển bê tông.

Số tiền vay: 4.097.000.000 đồng

Thời hạn vay: 3 năm.

Lãi suất: Theo thông báo của ngân hàng, điều chỉnh 3 tháng/lần.

(2): Hợp đồng vay số 1.11.056.30073.TD ký ngày 04/01/2011

Mục đích vay: Mua máy Casagrande

Số tiền vay: 685.422,53 USD

Thời hạn vay: 60 tháng.

Lãi suất: 8,2%/năm, điều chỉnh 3 tháng/lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN/HN****5.17. Vốn chủ sở hữu****a. Chi tiết Vốn đầu tư của Chủ sở hữu**

	Theo Giấy chứng nhận ĐKKD			Vốn đã ghi nhận	
	CP	Số tiền	Tỷ lệ	31/12/2014	01/01/2014
		VND	%		VND
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	596.700	5.967.000.000	12%	5.967.000.000	5.967.000.000
Dương Xuân Quang	752.317	7.523.170.000	15%	7.523.170.000	7.523.170.000
Hoàng Minh Tuấn	153.248	1.532.480.000	3%	1.532.480.000	1.532.480.000
Lê Quang Định	10.113	101.130.000	0%	101.130.000	101.130.000
Các cổ đông khác	3.487.622	34.876.220.000	70%	34.876.220.000	34.876.220.000
Tổng	5.000.000	50.000.000.000		50.000.000.000	50.000.000.000

b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.720.385.550	2.843.472.600

c. Cổ phiếu

	Năm 2014	Năm 2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	4.738.871	4.738.871

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN/HN****d. Đối chiếu biến động Vốn chủ sở hữu**

ĐVT: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2013	50.000.000.000	4.380.364.000	(2.611.290.000)	3.741.853.934	1.328.157.975	7.994.554.916	64.833.640.825
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	7.855.462.513	7.855.462.513
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	4.551.462.513	4.551.462.513
Tặng khác	-	-	-	-	-	3.304.000.000	3.304.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	359.240.107	376.773.894	9.773.225.553	10.509.239.554
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	10.194.858	10.194.858
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	2.843.472.600	2.843.472.600
Loại trừ công ty con	-	-	-	359.240.107	77.203.894	6.919.558.095	7.356.002.096
Giảm khác	-	-	-	-	299.570.000	-	299.570.000
Tại ngày 31/12/2013	50.000.000.000	4.380.364.000	(2.611.290.000)	3.382.613.827	951.384.081	6.076.791.877	62.179.863.785
Tại ngày 01/01/2014	50.000.000.000	4.380.364.000	(2.611.290.000)	3.382.613.827	951.384.081	6.076.791.877	62.179.863.785
Tăng trong kỳ	-	-	-	1.366.639.836	1.897.294.010	6.444.893.377	9.708.827.223
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	6.444.893.377	6.444.893.377
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	1.366.639.836	1.897.294.010	-	3.263.933.846
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	52.939.307	6.630.534.149	6.683.473.456
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	3.931.882.022	3.931.882.022
Chia cổ tức	-	-	-	-	52.939.307	2.667.446.243	2.720.385.550
Loại trừ công ty con	-	-	-	-	-	31.205.884	31.205.884
Tại ngày 31/12/2014	50.000.000.000	4.380.364.000	(2.611.290.000)	4.749.253.663	2.795.738.784	5.891.151.105	65.205.217.552

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN/HN****5.18. Doanh thu**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu xây lắp	308.437.638.577	240.618.444.417
Doanh thu bán bê tông	48.220.490.070	63.329.491.211
Doanh thu gia công	9.977.331.435	3.713.276.447
Doanh thu khác	6.890.816.430	18.877.030.068
Tổng	373.526.276.512	326.538.242.143

5.19. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn xây lắp	292.526.469.947	220.946.127.884
Giá vốn bán bê tông	46.498.099.700	61.339.330.390
Giá vốn gia công	8.317.351.830	1.086.716.578
Giá vốn khác	(58.533.373)	12.772.765.974
Tổng	347.283.388.104	296.144.940.826

5.20. Doanh thu/Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	542.476.583	96.166.056
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	4.956.000.000
Tổng	542.476.583	5.052.166.056
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	8.099.629.355	12.372.607.780
Lỗ từ chuyển nhượng cổ phiếu	-	2.377.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn	-	5.880.000.000
Tổng	8.099.629.355	20.629.607.780
Lãi/Lỗ từ hoạt động tài chính	(7.557.152.772)	(15.577.441.724)

5.21. Thu nhập/chi phí khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý tài sản, CCDC	6.325.189.090	518.181.819
Thu nhập khác	322.434.904	119.997.043
Tổng	6.647.623.994	638.178.862
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản, CCDC thanh lý	2.772.727.273	6.060.605
Chi phí khác	216.805.449	192.138.675
Tổng	2.989.532.722	198.199.280
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	3.658.091.272	439.979.582

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN/HN****5.22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.444.893.377	4.551.462.513
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6.444.893.377	4.551.462.513
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.738.871	4.738.871
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.360	960

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1. Giao dịch với các bên liên quan***Trong năm tài chính 2014, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:*

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
Giao dịch mua hàng				
Giao dịch bán hàng				
Tổng Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	Công ty góp vốn	Xây lắp	34.261.806.468	2.571.335.021

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31/12/2014:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
Các khoản phải thu				
Tổng Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	Công ty góp vốn	Phải thu khách hàng	50.475.840.538	22.585.257.704
		Trả trước người bán	16.012.698	16.012.698

Các khoản phải trả*Thu nhập của các thành viên chủ chốt năm 2014:*

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2014	Năm 2013
		VND	VND
HĐQT và BGĐ	Thù lao	1.028.889.183	859.282.976

6.2. Công cụ tài chính - quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.798.174.774	27.808.220.867
Phải thu khách hàng và phải thu khác	144.207.239.525	141.175.403.234
Đầu tư ngắn hạn	180.014.000	164.354.000
Tổng	<u>173.185.428.299</u>	<u>169.147.978.101</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	107.054.695.378	108.511.476.290
Phải trả người bán và phải trả khác	109.220.207.558	114.106.456.052
Chi phí phải trả	27.916.024.634	22.500.000.000
Tổng	<u>244.190.927.570</u>	<u>245.117.932.342</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

6.2. Công cụ tài chính - quản lý rủi ro (tiếp theo)*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	94.764.027.260	12.290.668.118	107.054.695.378
Phải trả người bán và phải trả khác	109.220.207.558	-	109.220.207.558
Chi phí phải trả	27.916.024.634	-	27.916.024.634
Tổng	231.900.259.452	12.290.668.118	244.190.927.570
01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	88.580.370.216	19.931.106.074	108.511.476.290
Phải trả người bán và phải trả khác	114.106.456.052	-	114.106.456.052
Chi phí phải trả	22.500.000.000	-	22.500.000.000
Tổng	225.186.826.268	19.931.106.074	245.117.932.342

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN/HN****6.2. Công cụ tài chính - quản lý rủi ro (tiếp theo)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.798.174.774	-	28.798.174.774
Phải thu khách hàng và phải thu khác	144.207.239.525	-	144.207.239.525
Đầu tư ngắn hạn	180.014.000	-	180.014.000
Tổng	173.185.428.299	-	173.185.428.299
			-
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.808.220.867	-	27.808.220.867
Phải thu khách hàng và phải thu khác	141.175.403.234	-	141.175.403.234
Đầu tư ngắn hạn	164.354.000	-	164.354.000
Tổng	169.147.978.101	-	169.147.978.101

6.3. Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2015

Giám đốc

Nguyễn Hoài Hiệp

Nguyễn Thị Chung

Dương Xuân Quang